

# LIÊM CHÍNH, MINH BẠCH VÀ SỰ ĐỘC LẬP CỦA TÒA ÁN

**Nguyễn Quốc Sửu**

*PGS. TS. Trường Đại học Nội vụ Hà Nội.*

## Thông tin bài viết:

**Từ khóa:** Liêm chính tư pháp, độc lập của tòa án, thẩm phán, xét xử, tố tụng.

## Lịch sử bài viết:

Nhận bài : 10/12/2021  
Biên tập : 12/01/2022  
Duyệt bài : 14/01/2022

## Article Information:

**Keywords:** Judicial integrity; independence of the courts; judgement; trial; proceedings.

## Article History:

Received : 10 Dec. 2021  
Edited : 12 Jan. 2022  
Approved : 14 Jan. 2022

## Tóm tắt:

Liêm chính tư pháp, tính minh bạch trong hoạt động của tòa án có liên quan chặt chẽ và ảnh hưởng sâu rộng lên hiệu quả và khả năng xét xử độc lập của tòa án. Quyền xuất trình chứng cứ và tranh luận tại các phiên tòa xử công khai là điều kiện cần nhưng chưa đủ của tính minh bạch, cần phải có cái nhìn mới, thực tế và khoa học hơn về quy trình xác lập chứng cứ và công bố toàn bộ các bản án. Việc công bố án lệ nên cân nhắc gắn liền với hoạt động công bố bản án thông thường thay vì chọn lựa như hiện nay. Minh bạch hóa hơn nữa hoạt động của tòa án sẽ góp phần đáng kể vào công cuộc cải cách tư pháp tại Việt Nam hiện nay.

## Abstract:

Judicial integrity and transparency in court operations are closely related and they both have far-reaching effects on the effectiveness and independence of the courts. The right to present evidence and argue at public hearings is a necessary but not sufficient condition for transparency, it is necessary to have new, more realistic, and scientific viewpoints of the evidence-making and disclosure process for all judgments. The publication of law case precedents should be considered in association with normal judgment publication activities instead of in an optional manner according to the current regulations. More transparency in court operations will provide a significant contribution to the current judicial reform in Vietnam.

## 1. Liêm chính tư pháp và sự độc lập của tòa án

Cộng đồng quốc tế đã đi đến thống nhất rằng một nền tư pháp độc lập là nền tảng cho sự thịnh vượng của nền kinh tế quốc gia và thế giới, bởi vì: Một nền tư pháp độc lập là một quyền cơ bản của con người mà tất cả các thành viên của Liên hợp quốc phải đảm bảo cho công dân của mình. Công dân mong đợi các thẩm phán đưa ra phán quyết chỉ dựa trên sự thật và pháp luật mà không chịu ảnh hưởng bởi bất kỳ tác động bất hợp pháp nào<sup>1</sup>.

Khuôn khổ pháp lý của Việt Nam đảm bảo cho sự độc lập của các hoạt động tư pháp, được thể hiện rõ trong Nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam và Hiến pháp, luật. Theo Nghị quyết số 49-NQ/TW năm 2005 của Bộ Chính trị: “*phân định rõ thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm quyền hạn tư pháp trong hoạt động tố tụng tư pháp theo hướng tăng quyền và trách nhiệm cho điều tra viên, kiểm sát viên và thẩm phán để họ chủ động trong thực thi nhiệm vụ, nâng cao tính độc lập và*

<sup>1</sup> Báo cáo tổng kết Hội thảo “*Liêm chính trong hoạt động Tư pháp: các tiêu chuẩn quốc tế và pháp luật Việt Nam*” do Tổ chức Hướng tới Minh bạch - TI và Viện Chính sách công và Pháp luật - IPL phối hợp tổ chức ngày 10/10/2014, <https://towardstransparency.vn/liem-chinh-tu-phap-va-su-doc-lap-cua-toa-an/>, truy cập lần cuối 09/07/2019.

chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi và quyết định tố tụng của mình”.

Theo Hiến pháp năm 2013, “*Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm*” (Khoản 3 Điều 103). Theo Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: “*Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm dưới bất kỳ hình thức nào thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của luật*” (Điều 23).

Bên cạnh đó, các cơ quan lập pháp và hành pháp phải tạo mọi điều kiện để cơ quan tư pháp được hoạt động độc lập bởi sự vận hành thành công của các cơ quan lập pháp và hành pháp phụ thuộc vào sự phối hợp nhịp nhàng và cơ chế tự quản trong hệ thống tư pháp.

### 1.1. Tăng cường sự độc lập của tòa án

Một điểm mới trong Hiến pháp năm 2013 so với Hiến pháp năm 1992 đó là: Điều 102 Hiến pháp năm 2013 quy định “*Tòa án là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp*”. Đây là cơ sở pháp lý để xác định rõ ràng: (1) vai trò của tòa án là cơ quan thực hiện quyền tư pháp; (2) Sự độc lập của tòa án bên cạnh các cơ quan hành pháp và lập pháp.

Tuy nhiên, “sự độc lập” của tòa án cần được thể hiện bằng việc cụ thể hóa “quyền tư pháp” của tòa án trong Luật Tổ chức Tòa án nhân dân (TAND). Theo quy định của Hiến pháp năm 1992, hệ thống tòa án được tổ chức ba (03) cấp theo địa giới hành chính địa phương từ cấp huyện tới cấp tỉnh và Tòa án nhân dân tối cao. Hiến pháp năm 2013 đã sửa đổi theo quan điểm của Nghị quyết số 49/NQ-TW năm 2005 của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp, xác định hệ

thống tòa án theo cấp xét xử không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Theo đó, hệ thống tòa án được Luật tổ chức TAND năm 2014 sửa đổi theo hướng quy định tòa án theo bốn (04) cấp:

(i) TAND tối cao là cấp xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm cao nhất và làm nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng pháp luật

(ii) TAND cấp cao là cấp xét xử phúc thẩm và có thẩm quyền xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm và tái thẩm.

(iii) TAND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là cấp xét xử phúc thẩm và xét xử sơ thẩm một số loại án mà cấp sơ thẩm không có thẩm quyền xét xử sơ thẩm.

(iv) TAND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương là cấp xét xử sơ thẩm.

Như vậy, hiện nay chỉ còn TAND cấp tỉnh, huyện là gắn với địa giới hành chính.

**-Các khó khăn, vướng mắc chính trong việc xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật của tòa án hiện nay:**

+ Việc tuyển chọn, bổ nhiệm thẩm phán, quy định về ngạch bậc, chế độ đãi ngộ với thẩm phán;

+ Sức ép từ chính quyền địa phương; sức ép từ các cơ quan điều tra (Công an, Viện kiểm sát);

+ Hội đồng xét xử luôn phải thích nghi với các mối quan hệ “nhạy cảm”;

+ Một tiền lệ đã tồn tại từ nhiều năm nay ở cả địa phương và cơ quan tố tụng ở trung ương đó là họp bàn giải quyết các vụ án, tiến độ điều tra, truy tố... nhất là đối với án hình sự giữa Công an, Tòa án và Viện kiểm sát.

**-Những khó khăn cốt lõi cần được giải quyết**

(i) **Vướng mắc về quan điểm độc lập của tòa án**

Về quan điểm độc lập của tòa án, có ý kiến cho rằng căn cứ vào tình hình thực tế ở Việt Nam

thì không có độc lập tuyệt đối vì hoạt động của tòa án đều chịu sự lãnh đạo của Đảng; bởi vậy, tính độc lập chỉ là tương đối. Tuy nhiên, không vì thế mà để cho các hành vi can thiệp trái pháp luật vào hoạt động xét xử của tòa án tồn tại như được quy định tại khoản 2 Điều 103 Hiến pháp năm 2013: “*Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm*”.

Cụm từ “khi xét xử” ở đầu câu theo Hiến pháp năm 1992 đã được thay thế và chuyển đổi phù hợp với hàm ý mới đó là: Thẩm phán, Hội thẩm độc lập trong mọi hoạt động của mình theo quy định của pháp luật tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc phiên tòa xét xử, mà không chỉ giới hạn bởi “khi xét xử” (chỉ trong lúc xét xử tại phiên tòa).

Mặt khác, khoản 2 Điều 103 Hiến pháp năm 2013 bổ sung cụm từ “nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm”. Quy định này ngăn ngừa sự can thiệp của mọi tổ chức, cá nhân, kể cả các cơ quan Đảng, Nhà nước, vào hoạt động xét xử ở Việt Nam.

(ii) *Sự bất hợp lý trong hệ thống tổ chức của tòa án*

Cùng với các quy định khác của Hiến pháp năm 2013 về tòa án, những sửa đổi, bổ sung nêu trên phản ánh những nỗ lực thúc đẩy sự độc lập hoạt động xét xử trong thời gian tới. Tuy vậy, nhìn một cách thẳng thắn thì Hiến pháp có ít quy định bổ sung các điều kiện bảo đảm cho xét xử độc lập, đặc biệt là các bảo đảm cho sự độc lập về tổ chức tòa án trong mối tương quan với các cơ quan nhà nước khác cũng như các cơ quan Đảng Cộng sản. Như đã phân tích, mô hình tổ chức tòa án theo cấp xét xử chưa được ấn định trong Hiến pháp mà sẽ được cân nhắc quy định trong luật. Hiến pháp mới không còn quy định về cơ chế chịu trách nhiệm của Chánh án TAND địa phương trước HĐND, trong khi

vẫn duy trì chế độ chịu trách nhiệm và báo cáo của Chánh án TAND tối cao trước Quốc hội, trong thời gian Quốc hội không họp chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước UBTVQH, Chủ tịch nước (Khoản 2 Điều 105 Hiến pháp năm 2013). Thêm vào đó, việc bổ nhiệm các thẩm phán TAND tối cao phải được Quốc hội phê chuẩn. Những quy định trên dường như không có lợi cho việc bảo đảm nguyên tắc độc lập của Tòa án với các cơ quan nhà nước có liên quan.

(iii) *Sự phân định chức năng của ngành tòa án và giữa tòa án các cấp.*

Một vấn đề nữa có được sự quan tâm của nhiều người trong quá trình sửa đổi Hiến pháp là về cơ chế quản lý hành chính tòa án (tổ chức nhân sự, tài chính và các điều kiện bảo đảm khác cho hoạt động của tòa án). Có ý kiến đề xuất chuyển từ mô hình hiện nay trong đó TAND tối cao quản lý toàn bộ hệ thống tòa án sang một thiết chế độc lập hơn – Hội đồng tư pháp quốc gia. Những người ủng hộ mô hình mới này cho rằng theo mô hình quản lý hành chính tòa án hiện nay, thì quan hệ giữa TAND tối cao với các Tòa án khác vừa là quan hệ tổ tụng, vừa là quan hệ trực thuộc về hành chính-tổ chức, dẫn đến thiếu sự độc lập về tổ chức và xét xử của các tòa án trong mối quan hệ với TAND tối cao. Thực tế, nhiều quốc gia đã xây dựng một thiết chế độc lập để quản lý hành chính tư pháp, đó là Hội đồng tư pháp quốc gia. Phương án này được cho là vừa bảo đảm tính thống nhất, thông suốt của nền hành chính quốc gia, vừa đảm bảo tính độc lập của các cơ quan xét xử, vừa tăng cường tính kết nối trong việc đào tạo nguồn và luân chuyển sử dụng hiệu quả các chức danh tư pháp mà tòa án là khâu trung tâm. Mặc dù vậy, Hiến pháp năm 2013 không đề cập cụ thể đến mô hình quản lý hành chính tư pháp, mà để vấn đề này cho luật điều chỉnh. Do vậy, việc ra đời Hội đồng tư pháp quốc gia với tính cách là một thiết chế hiến định độc lập sẽ thiếu tính khả thi. Việc

nghiên cứu đánh giá, đổi mới mô hình quản lý hành chính tòa án hiện hành là cần thiết để đảm bảo, nâng cao nguyên tắc độc lập tư pháp trong hệ thống tư pháp.

Trong việc đảm bảo tính độc lập tư pháp, nhiều cải cách pháp luật cần xem xét, đề xuất liên quan đến các vấn đề như: nâng cao nhiệm kỳ thẩm phán; bảo đảm ngân sách cho tòa án; đổi mới điều kiện và quy trình bổ nhiệm, tái bổ nhiệm thẩm phán theo hướng minh bạch, chặt chẽ và đảm bảo tính chuyên môn; tổ chức tòa án theo cấp xét xử... Những nghiên cứu gần đây đều chỉ ra tình trạng thiếu độc lập nghiêm trọng của các tòa án và thẩm phán<sup>2</sup>. Do vậy, vấn đề bảo đảm tính độc lập tư pháp vẫn được coi là còn nhiều thách thức lớn trong thời gian tới.

### ***-Giải pháp để vận dụng đầy đủ nguyên tắc độc lập của tòa án vào hoạt động xét xử***

Các ý kiến khuyến nghị đưa ra tại Hội thảo “Liên chính trong hoạt động Tư pháp: các tiêu chuẩn quốc tế và pháp luật Việt Nam” cho rằng cần thực hiện một số biện pháp từ tổ chức cán bộ đến cơ sở vật chất, từ đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực đến xây dựng và hoàn thiện các thể chế về xét xử, cụ thể như sau<sup>3</sup>:

Các thẩm phán và hội thẩm nhân dân phải nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, giữ gìn đạo đức và lương tâm nghề nghiệp. Đồng thời, cần rút ngắn các thủ tục bổ nhiệm thẩm phán, giám các thủ tục và sự can thiệp của các cơ quan chính quyền địa phương. Cần có quy định rõ ràng về trách nhiệm của thẩm phán, kịp thời động viên và xử lý kỷ luật khi có vi phạm phẩm chất đạo đức hoặc năng lực xét xử yếu kém.

Xây dựng và củng cố các cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp vững mạnh. Thực tế xét xử cho thấy hoạt động của các cơ quan hỗ trợ tư pháp

như luật sư, công chứng, giám định, hộ tịch... tuy không phải trực tiếp quyết định các bản án nhưng sự khách quan, kịp thời, chính xác của hoạt động hỗ trợ tư pháp sẽ góp phần bảo đảm chất lượng xét xử và sự khách quan của tòa án.

Tăng cường cơ sở vật chất, chế độ chính sách thỏa đáng đối với cán bộ tòa án nói chung và thẩm phán nói riêng; tăng cường biện pháp, cơ chế phòng chống tiêu cực trong hoạt động xét xử.

Xây dựng hệ thống pháp luật hoàn chỉnh không chồng chéo, mâu thuẫn với nhau; các văn bản hướng dẫn và giải thích kịp thời, tạo điều kiện cho thẩm phán và hội thẩm khi xét xử có cơ sở vững chắc là chỉ tuân theo pháp luật.

Hệ thống tòa án được tổ chức theo cấp xét xử và khu vực là hợp lý hơn vì tránh được một số hạn chế đã nêu ở trên nếu tòa án được tổ chức theo cấp chính quyền địa phương. Theo đó, hệ thống tòa án nên được tổ chức theo ba cấp: tòa án sơ thẩm khu vực, tòa án phúc thẩm khu vực và tòa án nhân dân tối cao. Đồng thời, phân quyền nhiều hơn cho tòa án sơ thẩm và phúc thẩm khu vực. Đối với Tòa án nhân dân tối cao, việc chủ động, hoàn thành tốt nhiệm vụ đã được quy định tại Điều 104 Hiến pháp năm 2013 là giám đốc thẩm việc xét xử, thực hiện việc tổng kết thực tiễn xét xử, đảm bảo áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử. Tuy nhiên, việc xét xử giám đốc thẩm, phúc thẩm của Tòa án tối cao chỉ là những trường hợp thật cần thiết.

Liên quan đến chỉ đạo của tòa án cấp trên, cần phải quán triệt nội dung của nguyên tắc độc lập và chỉ tuân theo pháp luật của thẩm phán trong mối quan hệ giữa cấp trên với cấp dưới. Hiện nay, hệ thống tòa án thể hiện rõ mối quan

<sup>2</sup> Báo cáo tổng kết Hội thảo “Liên chính trong hoạt động Tư pháp: các tiêu chuẩn quốc tế và pháp luật Việt Nam”, Tlđđ.

<sup>3</sup> Báo cáo tổng kết Hội thảo “Liên chính trong hoạt động Tư pháp: các tiêu chuẩn quốc tế và pháp luật Việt Nam”, Tlđđ.

hệ giữa cấp trên và cấp dưới, tòa án cấp trên quản lý tòa án cấp dưới cả về tổ chức và tài chính và chỉ đạo chuyên môn nghiệp vụ. Điều này đòi hỏi TANDTC phải chỉ đạo tách bạch các mối quan hệ trong hoạt động nghiệp vụ. Mỗi quan hệ giữa tòa án cấp trên và tòa án cấp dưới chỉ nên là mối quan hệ tổ tụng, thực hiện theo quy định của pháp luật, không phải mối quan hệ quản lý hành chính. Tòa án cấp trên chỉ nên hướng dẫn tòa án cấp dưới về áp dụng thống nhất pháp luật, chứ không quyết định hoặc gợi ý cho tòa án cấp dưới khi xét xử một vụ án cụ thể.

### **1.2. Tăng cường tính độc lập của thẩm phán và hội thẩm trong hoạt động xét xử**

Đây chính là một trong những yêu cầu để nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp như Nghị quyết số 49-NQ/TW năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã xác định. Việc đổi mới tổ chức và hoạt động của tòa án là rất cần thiết, trong đó phải bắt đầu từ các thẩm phán, những người đại diện cho công lý, bảo vệ công lý. Thẩm phán phải độc lập trong hoạt động xét xử và chỉ tuân theo pháp luật. Trong xét xử, tính độc lập của thẩm phán phải là sự gắn kết tuyệt đối của các thẩm phán với pháp luật. Khi phán quyết, thẩm phán chỉ dựa vào pháp luật và niềm tin nội tâm. Ở Việt Nam, hoạt động xét xử còn có sự tham gia của Hội thẩm nhân dân. Vì vậy, nguyên tắc độc lập không chỉ liên quan đến thẩm phán mà cả hội thẩm.

Độc lập xét xử được xem xét từ các khía cạnh, yếu tố bên trong và bên ngoài.

#### ***-Yếu tố bên ngoài***

Khi xét xử, thẩm phán và hội thẩm không bị phụ thuộc vào kết luận của cơ quan điều tra, cáo trạng và quyết định truy tố của Viện kiểm sát hay những mối quan hệ khác với các luật sư, các cơ quan nhà nước và tổ chức xã hội. Tại phiên tòa, thẩm phán không chỉ căn cứ vào

hồ sơ vụ án mà phải trực tiếp xem xét những chứng cứ của vụ án, trên cơ sở đó cân nhắc và căn cứ vào các quy định pháp luật để đưa ra bản án khách quan, chính xác.

Tuy nhiên, thực tiễn ở Việt Nam cho thấy: Trong quá trình xét xử một số vụ án, thẩm phán nhiều khi không làm chủ được tình hình. Đặc biệt, qua thẩm vấn tranh tụng, thẩm phán thấy nhiều tình tiết lẽ ra có thể tuyên bị cáo vô tội (Điều 39 Bộ Luật TTHS) nhưng dưới áp lực của một số cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan, thẩm phán đề nghị trả hồ sơ để điều tra lại thay vì ra quyết định trực tiếp dựa trên các quy định của pháp luật và phân tích, phán đoán của bản thân. Để làm chủ được tình hình, đòi hỏi thẩm phán phải có bản lĩnh để đứng vững trước các yếu tố tác động từ bên ngoài, không cho phép các cá nhân, cơ quan khác can thiệp vào việc xét xử; hệ thống tòa án nên được độc lập với chính quyền địa phương; đồng thời, tiến tới xóa bỏ việc trao đổi án, thỉnh thị án giữa các cơ quan tổ tụng.

Trong hoạt động xét xử, các thẩm phán đại diện cho quyền lực xét xử, thực hiện quyền xét xử để đem lại công bằng cho xã hội; quyết định của thẩm phán chứa đựng trách nhiệm không chỉ của cá nhân thẩm phán mà cả trách nhiệm xã hội. Điều này đòi hỏi phải có sự giám sát chặt chẽ quá trình xét xử của thẩm phán bởi các cơ quan chức năng và TANDTC; đặc biệt là sự giám sát của nhân dân. Độc lập nhưng cần có sự giám sát để tránh tình trạng lạm quyền. Do đó, cần tăng cường vai trò giám sát của các đoàn đại biểu Quốc hội, của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và quận/huyện đối với hoạt động xét xử của tòa án; nâng cao chất lượng hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc tuyên truyền, cung cấp thông tin về hoạt động xét xử của thẩm phán. Đồng thời, tạo điều kiện để nhân dân được tham dự các phiên tòa xét xử của tòa án, từ đó nâng cao nhận thức hiểu biết về pháp luật để chấp hành nghiêm chỉnh pháp

luật và bảo vệ quyền dân chủ của công dân. Cũng qua đó, người dân góp phần giám sát quá trình xét xử của tòa án, thẩm phán. Điều đó nói lên hoạt động xét xử của thẩm phán tuy độc lập nhưng vẫn chịu sự giám sát của nhân dân.

Mặt khác, trong bối cảnh hiện nay, nhiều tòa án ở địa phương còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, về nhân lực, về địa hình địa lý... để đưa công lý tiếp cận tới người dân. Do vậy, cần tăng cường bố trí các phiên tòa lưu động về các địa phương. Thông qua những phiên tòa đó, tòa án không chỉ thực hiện được chức năng xét xử mà còn đem đến cho nhân dân những cơ hội để hiểu biết pháp luật. Cũng từ đó đạt được mục đích phòng ngừa, đồng thời thể hiện được tính công khai minh bạch của hoạt động xét xử.

### ***-Đạo đức, phẩm chất của thẩm phán***

Đạo đức, phẩm chất của thẩm phán cũng đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường tính độc lập của thẩm phán khi xét xử. Mặc dù đã có các quy định về ứng xử cho tất cả cán bộ tòa án bao gồm cả các quy định về xung đột lợi ích và kê khai tài sản. Tuy nhiên, thực tế cho thấy vẫn còn thiếu các quy định về một số vấn đề quan trọng như: những hạn chế sau khi thôi giữ chức vụ và những quy định cụ thể về vai trò và trách nhiệm đặc thù của thẩm phán. Trong khi đó, tính chất công việc đòi hỏi các thẩm phán phải là người có đạo đức, nhân cách trong sáng; có năng lực chuyên môn tốt, được mọi người kính trọng; có tinh thần dũng cảm trong việc đấu tranh bảo vệ công lý, bảo vệ niềm tin.

Thẩm phán không chỉ có hiểu biết pháp luật mà còn cần có ý thức pháp luật cao hơn những người khác; có tư duy và khả năng vận dụng pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý đặt ra. Năng lực xét xử và đạo đức, phẩm chất trong sáng không thể tách rời nhau trong con người thẩm phán; do đó cần hạn chế việc các thẩm phán chỉ chú ý phần đầu có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao nhưng lại không coi trọng đạo đức và lương tâm nghề nghiệp. Điều

này dễ dẫn đến độc tài trong xét xử. Ngược lại, nếu thẩm phán chỉ có phẩm chất đạo đức và lương tâm nghề nghiệp tốt nhưng chuyên môn nghiệp vụ không giỏi thì cũng khó đảm bảo sự xét xử độc lập do không đủ năng lực bảo vệ pháp luật; hoặc dễ dàng bị cám dỗ về vật chất.

Do vậy, cần có một bộ quy tắc đạo đức đối với thẩm phán quy định rõ ràng và cụ thể về các chuẩn mực đạo đức, hành vi thẩm phán không được làm hoặc phải tránh để bảo đảm sự liêm chính của thẩm phán. Bộ quy tắc này cũng sẽ là cơ sở để xem xét và xử lý kỷ luật thẩm phán.

### ***-Về tuyển chọn, bổ nhiệm thẩm phán***

Để hoàn thành được những nhiệm vụ và trọng trách của thẩm phán như đã phân tích ở trên, phải xây dựng một đội ngũ thẩm phán có tâm và có chuyên môn nghiệp vụ cao thông qua việc tuyển chọn thẩm phán phải là những người có đủ các tiêu chuẩn theo yêu cầu của công việc và theo quy định của pháp luật. Các tiêu chuẩn phải được quy định cụ thể từ trước về chất lượng, năng lực, chuyên môn và phẩm chất cá nhân.

Ngoài việc cần có sức khỏe, tinh thần trách nhiệm cao, có khả năng phân tích và phán đoán, có đạo đức nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có kinh nghiệm thực tế đã trải qua công tác trong ngành luật và đáp ứng độ tuổi theo tiêu chuẩn bổ nhiệm; Việt Nam cũng có thể nghiên cứu, xem xét học tập và áp dụng kinh nghiệm của một số nước trên thế giới đã làm, đó là: bổ nhiệm thẩm phán suốt đời để cho các thẩm phán yên tâm xác định rõ trách nhiệm, phấn đấu vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ công lý. Tuy nhiên, xét trên điều kiện thực tế của Việt Nam, duy trì nhiệm kỳ đối với thẩm phán vẫn là một biện pháp hợp lý, trong đó chú ý tới cơ chế tái bổ nhiệm lần đầu thành cơ chế đương nhiên được tái bổ nhiệm trừ trường hợp có những sai phạm nghiêm trọng.

Do vậy, cần có quy chế bổ nhiệm khách quan, thủ tục minh bạch. Việc này có thể thực hiện được thông qua việc tổ chức một hội đồng quốc gia bao gồm những thẩm phán, hội thẩm nhân dân có kinh nghiệm, các luật sư giỏi và có kinh nghiệm công tác. Hội đồng này phải độc lập và có quá trình thủ tục riêng. Có ý kiến đề xuất nên nghiên cứu việc lựa chọn thẩm phán từ giới luật sư, như kinh nghiệm của Hoa Kỳ<sup>4</sup>.

### 2. Minh bạch trong hoạt động của tòa án

#### *-Sự cần thiết của việc xét xử công khai, minh bạch*

Trong các thiết chế dân chủ hiện đại, tòa án hành xử quyền tài phán, một trong ba quyền nền tảng của hệ thống quyền lực quốc gia – vừa thực hiện vai trò xét xử tranh chấp để tạo lập và duy trì công lý trong xã hội, vừa thực thi trách nhiệm giải thích luật pháp thông qua những luận điểm pháp lý nêu trong phán quyết, và qua đó ấn định khuôn khổ ứng xử cho hành vi của các tổ chức và cá nhân. Hành xử thẩm quyền này đòi hỏi hoạt động của tòa án phải có tính minh bạch vì những lý do sau:

*Một là*, xét xử công khai có liên hệ chặt chẽ với các nguyên tắc khác của pháp luật tố tụng như nguyên tắc tuân thủ pháp luật, nguyên tắc độc lập xét xử v.v... Chỉ trên cơ sở xét xử công khai vụ án mới có thể được kiểm soát, giám sát chặt chẽ nhất, và đó là cơ sở để đảm bảo tính đúng đắn, khách quan trong xét xử, hạn chế các hành vi lạm quyền, lợi dụng pháp luật.

*Hai là*, xét xử công khai cũng tạo tiền đề cho sự giám sát của công chúng đối với hoạt động xét xử, đảm bảo tính dân chủ và quyền tham gia của các bên liên quan, và cao hơn nữa, tạo điều kiện cho việc tuyên truyền phổ biến, giáo dục ý thức pháp luật cho đông đảo công dân. Chỉ trên cơ sở xét xử công khai thì hoạt động tố tụng mới thực sự trở thành một sinh

hoạt chính trị - pháp lý có ý nghĩa thiết thực với xã hội, một mặt nâng cao ý thức pháp luật của người dân, mặt khác để pháp luật được kiểm nghiệm trong đời sống thực tiễn.

Với tầm quan trọng như vậy, xét xử công khai trở thành nguyên tắc xuyên suốt trong quá trình xét xử. Pháp luật tố tụng hiện hành quy định phiên tòa phải được mở công khai trước công chúng, từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc, để đông đảo công dân có thể tham dự. Mọi công dân từ đủ 16 tuổi đều có quyền tham dự phiên tòa. Để tạo điều kiện cho nhân dân có thể tham dự phiên tòa, mọi thông tin về phiên tòa đều phải được niêm yết công khai: nội dung, địa điểm, thời gian mở phiên tòa. Mọi thay đổi liên quan đến phiên tòa như: việc hoãn phiên tòa, thời gian, địa điểm tuyên án v.v... đều phải được hội đồng xét xử công bố rõ ràng, công khai cho người tham dự và các cơ quan liên quan nắm bắt. Trong quá trình xét xử, mọi hoạt động: hỏi, tranh luận, phát biểu ý kiến v.v... của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đều diễn ra công khai, thậm chí việc công bố các tài liệu của vụ án cũng diễn ra công khai, trừ trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, giữ gìn thuần phong mỹ tục của dân tộc, giữ bí mật nghề nghiệp, bí mật kinh doanh, bí mật đời tư của cá nhân theo yêu cầu của đương sự. Nguyên tắc xét xử công khai không chỉ được áp dụng cho xét xử sơ thẩm các vụ án, mà còn áp dụng đối với cả xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Tất cả mọi diễn tiến trong quá trình tố tụng đều phải được ghi rõ trong biên bản phiên tòa.

#### *-Giải pháp nâng cao tính minh bạch trong hoạt động xét xử*

Tính minh bạch trong hoạt động của tòa án được thể hiện ở thủ tục tố tụng, tức là các quy định liên quan đến quy trình xét xử và xác lập chứng cứ khi giải quyết các vụ án và vụ kiện.

<sup>4</sup> Báo cáo tổng kết Hội thảo “*Liên chính trong hoạt động Tư pháp: các tiêu chuẩn quốc tế và pháp luật Việt Nam*”, Tlđđ.

## NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Thủ tục tố tụng hiện hành phần nào đó đã ấn định tính minh bạch của hệ thống tư pháp Việt Nam, chẳng hạn các phiên xử được tổ chức công khai ngoại trừ trường hợp liên quan đến danh dự cá nhân hoặc thuần phong mỹ tục, hoặc các bên liên quan được quyền xuất trình chứng cứ và tranh luận công khai tại phiên xử. Tuy nhiên để nâng cao hơn nữa tính minh bạch cần phải thực hiện một số thay đổi quan trọng về thủ tục tố tụng của tòa án Việt Nam. Cụ thể:

*Thứ nhất*, cần phải minh bạch hóa việc xác lập chứng cứ. Hẳn nhiên chúng ta đang thiếu một luật về chứng cứ, ít nhất dành cho hoạt động xét xử, nhưng không vì vậy mà thiếu lưu tâm đến sự minh bạch trong quy trình xác lập chứng cứ. Cho đến nay, liên quan đến tố tụng hình sự, chỉ cơ quan điều tra và công tố được đặc quyền xác lập chứng cứ để bảo vệ quyền lợi xã hội, trong khi luật sư với vai trò bảo vệ quyền lợi cá nhân luôn gặp nhiều hạn chế khi thu thập chứng cứ và thường chỉ giới hạn trách nhiệm của mình vào việc nêu ra những điểm bất hợp lý của các chứng cứ đã được cơ quan điều tra và công tố xác lập sẵn. Cách xét xử theo lối “án tại hồ sơ” của hầu hết thẩm phán hiện nay, dù muốn dù không, đã trở thành thói quen xấu khó thay đổi. Sự thiếu minh bạch như vậy trong thủ tục tố tụng hình sự đã dẫn đến hậu quả là quyền tự do cá nhân và quyền lợi của công dân không được bảo đảm như Hiến Pháp hiện hành đã minh định. Các tranh luận gần đây về việc sửa đổi luật tố tụng hình sự đã chỉ rõ sự cần thiết phải mở rộng vai trò và sự tham gia của luật sư vào tiến trình xác lập chứng cứ, và như vậy mặc nhiên cho thấy tầm quan trọng của việc minh bạch hóa hoạt động xét xử của tòa án trong những vụ án hình sự.

*Thứ hai*, liên quan đến tố tụng dân sự và kinh tế, nguyên tắc “đối tụng”, một nguyên tắc tranh tụng thông dụng tại hầu hết các quốc gia

trên thế giới, bao gồm cả những nước theo hệ thống châu Âu lục địa (Civil Law) và Thông Luật (Common Law), cần tiếp tục được thúc đẩy trên thực tế<sup>5</sup>. Theo nguyên tắc này, trước khi vụ kiện dân sự hoặc kinh tế được tòa án chính thức xét xử công khai, các đương sự có trách nhiệm trao đổi chứng cứ và tranh luận với nhau, chứ không đơn giản chỉ xuất trình chứng cứ và trình bày quan điểm của mình với thẩm phán mà thôi. Nói cách khác, phải có sự thông tri giữa các bên có liên quan về toàn bộ “bức tranh” của vụ kiện. Sự trao đổi chứng cứ vừa là nghĩa vụ vừa là quyền của các đương sự. Để bảo đảm sự thực thi quyền và nghĩa vụ này, trước khi phiên xử được khai mạc, các đương sự đều phải được dành đủ thời gian đánh giá và nhận xét chứng cứ của đối phương. Nguyên tắc đối tụng buộc thẩm phán tại phiên xử phải bác bỏ giá trị của những chứng cứ chưa được trao đổi và bình luận hợp lệ trước đó giữa các bên. Khiếm khuyết sự thông tri như vậy khiến việc xác lập chứng cứ trở nên thiếu minh bạch và do vậy công lý không được bảo đảm.

Quan sát các vụ tranh tụng dân sự và kinh tế tại Việt Nam, người ta dễ nhận thấy tình trạng các bên tranh tụng luôn tìm cách che giấu những chứng cứ quan trọng cho đến khi phiên xử chính thức bắt đầu mới tung ra nhằm “hạ độc thủ” đối phương để chiếm thế thượng phong. Do bị bất ngờ và thiếu thời gian chuẩn bị trong trường hợp như vậy, việc đánh giá chứng cứ của một bên sẽ không toàn diện và họ mặc nhiên bị tước mất sự công bằng mà lẽ ra thủ tục tố tụng phải bảo đảm đồng đều cho tất cả các bên tranh tụng. Hậu quả của sự thiếu minh bạch này trong tranh tụng là các luật sư thay vì dành thời gian và công sức để trao đổi kỹ năng nghề nghiệp, chỉ lo tìm kiếm những thủ đoạn vật vãn nhằm tranh thủ lợi thế so với đối thủ của mình ■

<sup>5</sup> Nguyên tắc “tranh tụng trong xét xử được đảm bảo” được quy định tại 5 Điều 163 Hiến pháp năm 2013, được cụ thể hóa tại Điều 12 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.